CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH LÂM ĐỒNG **HẠT KIỂM LÂM ĐỨC TRỌNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
Số: 12 /TB–HKL	*Đức Trọng, ngày 11 tháng 03 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc giao, điều chuyển gỗ cho cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tịch thu để xây dựng trụ sở, hình thành máy móc, thiết bị làm việc của cơ quan nhà nước, xây dựng các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu dân sinh

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

Hạt Kiểm lâm Đức Trọng đang xây dựng phương án xử lý gỗ được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định số 00702/QĐ-TT ngày 05/3/2026 *(có Bảng kê lâm sản kèm theo)* và Quyết định số 00703/QĐ-TT ngày 05/3/2026 gồm 128 kg (Ngo dầu) để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đề nghị cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tịch thu để xây dựng trụ sở, hình thành máy móc, thiết bị làm việc của cơ quan nhà nước, xây dựng các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu dân sinh gửi văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản là gỗ theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT, trong đó nêu rõ số lượng, khối lượng, loài gỗ (có Bảng kê lâm sản kèm theo) về Hạt Kiểm lâm Đức Trọng trước ngày 25 tháng 03 năm 2026 theo địa chỉ: Số 48, Lô 90, đường Hoàng Hoa Thám, xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Yêu cầu cơ quan, đơn vị cam kết sử dụng tài sản được bàn giao, điều chuyển phải sử dụng theo đúng mục đích và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để thất thoát tài sản được giao./.

Nơi nhận:
- Cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Hành chính – Tổng hợp (Đăng tải trên trang thông tin điện tử của CCKL);
- Lưu: VT, XLVP

HẠT TRƯỞNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
HẠT KIỂM LÂM ĐỨC TRỌNG
CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH LÂM ĐỒNG

Nguyễn Mạnh Tiến

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Kèm theo Thông báo số /TB-HKL ngày tháng 03 năm 2026 của Hạt Kiểm lâm Đức Trọng)

Thông tin chi tiết lâm sản theo Quyết định số 00702/QĐ-TT ngày 05/3/2026:

STT	Số hiệu/ nhãn đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/ tấm/ lóng)	Khối lượng/ trọng lượng (m3 hoặc kg)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài	Rộng	Đường kính hoặc chiều dày			
01	01a	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	4		42	01	0,553	
02	11d	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	6		20,5	01	0,197	
03	07b	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	4		50,5	01	0,800	
04	10	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	4,2		15,5	01	0,079	
05	04	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	10,3		37,5	01	1,137	
06	12	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	2,5		21,5	01	0,090	
07	13	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	4		18,0	01	0,101	
08	14	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	4		16,0	01	0,080	
09	15	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	4		19,5	01	0,119	
10	16	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	4,0		24,0	01	0,180	
11	05a	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	4,1		29,0	01	0,270	

STT	Số hiệu/ nhãn đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/ tấm/ lóng)	Khối lượng/ trọng lượng (m3 hoặc kg)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài	Rộng	Đường kính hoặc chiều dày			
12	11b	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	4		29,5	01	0,273	
13	07a	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	4		60,5	01	1,149	
14	11c	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	4		25,5	01	0,204	
15	07c	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	4		43,0	01	0,580	
16	11a	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	4		37,0	01	0,429	
17	05b	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	4		23,5	01	0,173	
18	03b	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	3,4		16,5	01	0,072	
19	02a	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	4		24,0	01	0,180	
20	17	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	3,8		21,5	01	0,137	
21	01b	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	4		33,0	01	0,341	
22	06a	Thông 3 lá		Pinus kesiya	Thông thường	4		39,0	01	0,477	
Tổng cộng									**22**	**7,621**	